

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Bà Nguyễn Thị Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLST-HNGĐ ngày 27-9-2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01-11-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Phạm T, sinh năm 1980; nơi làm việc: Đoàn H, phường Ng, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số H Ng, phường Ng, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09-9-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hoàng Phạm T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ ngày 30-5-2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, va chạm, cãi cọ. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Đến năm 2016, anh đã chuyển về đơn vị tại Khu B, đoàn H, phường V, quận Đ ở và anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn

quan hệ gì tình cảm, kinh tế. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Kim A.

Về con chung: Anh và chị Kim A có 02 con chung là Hoàng Anh Q, sinh ngày 04-3-2007 và Hoàng Anh H, sinh ngày 07-9-2012. Anh nhận nuôi cháu H và đề nghị giao cháu Q cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Kim A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim A trình bày: Chị thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đúng như anh Hoàng Phạm T đã trình bày. Khoảng tháng 7-2019, anh T đã chuyển về đơn vị tại Khu B, đoàn H, phường V, quận Đ ở, từ đó vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Nay, anh T có đơn ly hôn, chị xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân một thời gian nên chị đồng ý ly hôn với anh T. Lý do chị không ký vào biên bản thuận tình ly hôn với anh T là chị đề nghị khi nào anh T thỏa thuận được với chị về số tiền nợ chung thì chị sẽ ký vào văn bản đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung như anh T trình bày. Ly hôn, chị nhận nuôi cháu Q và đề nghị giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối tại nơi làm việc, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Kim A, thể hiện: Do anh chị có mâu thuẫn nên từ năm 2016 đến nay đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Chị Kim A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài và đồng ý ly hôn với anh T với điều kiện anh chị phải thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ chung. Hai bên gia đình, đơn vị nơi anh T công tác đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do anh chị không hiểu nhau, vợ chồng không tin tưởng vào nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Nơi làm việc và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung.

Tại phiên tòa, chị Kim A thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đồng ý ly hôn với anh T; chị đề nghị giao con chung Hoàng Anh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Hoàng Anh Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn

và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa anh T và chị Kim A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T được ly hôn chị Kim A; về con chung, giao con chung là Hoàng Anh Q cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Hoàng Anh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là anh Hoàng Phạm T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Nguyễn Thị Kim A tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là chị Kim A có nơi cư trú tại phường V, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về hôn nhân:

[3] Anh T và chị Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 30-5-2006 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh T và chị Kim A trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại tổ dân phố Đ, phường V, quận Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau,

nghe ngò nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hai bên gia đình và đơn vị nơi anh T làm việc đã hòa giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Lời khai của anh chị phù hợp với ý kiến của đơn vị nơi anh T làm việc và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Chị Kim A thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên đồng ý ly hôn với anh T.

[5] Xét thấy, anh T và chị Kim A đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị Kim A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[6] Về con chung: Anh T và chị Kim A có 02 con chung là Hoàng Anh Q, sinh ngày 04-3-2007 và Hoàng Anh H, sinh ngày 07-9-2012. Anh chị thống nhất đề nghị giao cháu Q cho chị Kim A trực tiếp nuôi, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như thỏa thuận về việc nuôi con, nguyện vọng của con chung khi ly hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Q cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, nên không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh T và chị Kim A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Kim A có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Hoàng Phạm T được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim A.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Hoàng Anh Q, sinh ngày 04-3-2007 cho chị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Hoàng Anh H, sinh ngày 07-9-2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T và chị Kim A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi anh T và chị Kim A có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007074 ngày 27-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Kim A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Trần Thế Sự

Nguyễn Thanh Tùng

